TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 4 năm 2025
"*V/v: Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lường Văn Hưởng**
2. Ông **Vừ A Sinh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Lù Thị H Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trí Giáp – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HN&GĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc *"Ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lù Thị H**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Bản H, thị trấn MA, hMAẢng, tỉnh Điện Biên (*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lù Thị H: Bà **Cao Thị Bình** - Trợ giúp viên pháp lý. Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn L**, sinh năm 1979.

Nơi ĐKHKTT: Bản H, thị trấn MA, hMAẢng, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại: K1, Đội 16, phân trại số 2, trại giam số 3. Địa chỉ: Xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. *(Vắng mặt có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/10/2024, tại bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Lù Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Quàng Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2002 tại UBND xã Ẳng Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (nay là UBND Ẳng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên). Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới, tôi và anh Quàng Văn L sống tại Bản H, thị trấn MA, hMAẢng, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống tôi và anh Quàng Văn L sống đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian, sau đó

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Anh Quàng Văn L nghiện chất ma túy từ năm 2004 mặc dù tôi và gia đình đã khuyên anh bỏ nhưng anh Quàng Văn L không bỏ được đến năm 2017 anh Quàng Văn L bị công an bắt về tội ma túy và đi trại sau đó trở về địa phương. Đến năm 2020 anh Quàng Văn L bị bắt lần 2 về tội mua bán trái phép chất ma túy và đi chấp hành án tại K1, đội 16, Phân trại số 2, trại giam số 3, Nghĩa Dũng, Tân Kỳ, Nghệ An. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ cLù Thị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quàng Văn L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung là cháu Quàng Văn Q, sinh ngày 03/7/1997, cháu Quàng Thị N, sinh ngày 09/8/2005. Hiện nay các cháu Quàng Văn Q và cháu Quàng Thị N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: Tôi và anh Quàng Văn L không có.

- Về nợ chung, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và anh Quàng Văn L không có.

*** Bị đơn:** Theo nội dung Bản tự khai của anh Quàng Văn L ngày 27/02/2025 anh Quàng Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1996 tôi và chị Lù Thị H có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ẳng Cang huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hoà thuận không có mâu thuẫn gì xảy ra. Nhưng từ tháng 10/2024 vợ tôi gửi đơn cho tôi lý do tôi đang đi chấp hành án. Nay chị Lù Thị H xin ly hôn tôi cũng nhất trí.

Về con chung: Tôi và chị Lù Thị H có 02 người con chung là cháu Quàng Văn Q, sinh ngày 03/7/1997, cháu Quàng Thị N, sinh ngày 09/8/2005. Hiện nay các cháu Quý và cháu Nhung đã đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình riêng.

Về tài sản chung, tài sản riêng; Về nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

Ngày 27/02/2025 anh Quàng Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nội dung đơn anh vẫn giữ nguyên như bản tự khai.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày**: Yêu cầu của chị Lù Thị H là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lù Thị H cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L chung sống như vợ cLù Thị H từ năm 1996, sau đó đăng kí kết hôn ngày 14/4/2002 tại UBND xã Ẳng Cang huyện Mường Ảng. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau. Sau khi cưới chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L về sinh sống tại bản H, thị trấn MA, hMAẢng, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống, chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh Quàng Văn L nghiện ma túy. Năm 2017 anh Quàng Văn L bị công an bắt về tội ma túy và đi chấp hành án sau đó

trở về địa phương. Đến năm 2020 anh Quàng Văn L bị bắt lần 2 về tội mua bán trái phép chất ma túy và đi chấp hành án tại K1, đội 16, Phân trại số 2, trại giam số 3, Nghĩa Dũng, Tân Kỳ, Nghệ An. Xét thấy mâu thuẫn của chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lù Thị H và tuyên bố chị Lù Thị H được ly hôn anh Quàng Văn L.

Thứ hai về con chung: Chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L có 02 người con chung là cháu Quàng Văn Q, sinh ngày 03/7/1997, cháu Quàng Thị N, sinh ngày 09/8/2005. Hiện nay các cháu Quàng Văn Q và cháu Quàng Thị N đã đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình riêng, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L không có tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lù Thị H.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

Tòa án đã tiến hành xác minh điều kiện kinh tế của chị Lù Thị H tại bản Lịch Cang, xã Nặm Lịch, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố chị Lù Thị H được ly hôn anh Quàng Văn L.

Con chung: Chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L có 02 người con chung là cháu Quàng Văn Q, sinh ngày 03/7/1997, cháu Quàng Thị N, sinh ngày 09/8/2005. Hiện nay các cháu Quàng Văn Q và cháu Quàng Thị N đã đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình riêng, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

- Án phí: Chị Lù Thị H là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1

điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lù Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "*Ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 07/10/2025, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "*Ly hôn*". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và đã có Công văn nhờ trại giam số 3, tỉnh Nghệ An tống đạt và anh Quàng Văn L đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án. Bị đơn – Anh Quàng Văn L đã bản tự khai đồng ý ly hôn với chị Lù Thị H.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, Tiệp cận, công khai chứng cứ đã tiến hành tống đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên họp Tiệp cận, công khai chứng cứ. Anh Quàng Văn L hiện đang chấp hành án nên không thể tham gia hòa giải tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên không tổ chức hòa giải. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Anh Quàng Văn L nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Quàng Văn L cũng viết đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh vì anh đang phải chấp hành án.

[2] Nội dung vụ án:

* *Về hôn nhân*: Theo đơn xin ly hôn, tại phiên toà chị Lù Thị H trình bày và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L chung sống như vợ cLù Thị H từ năm 2013, sau đó đăng kí kết hôn ngày 14/4/2002 tại UBND xã Ẳng Cang huyện Mường Ảng. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau. Sau khi cưới chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L về sinh sống tại bản H, thị trấn MA, hMAẢng, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống, chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh Quàng Văn L nghiện ma túy. Năm 2017 anh Quàng Văn L bị công an bắt về tội ma túy và đi chấp hành án sau đó trở về địa phương. Đến năm 2020 anh Quàng Văn L bị bắt lần 2 về tội mua bán trái phép chất ma túy và đi chấp hành án tại K1, đội 16, Phân trại số 2, trại giam số 3, Nghĩa Dũng, Tân Kỳ, Nghệ An. Xét thấy, vợ cLù Thị H anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lù Thị H. Tuyên xử cho chị Lù Thị H được ly hôn với anh Quàng Văn L.

**** Về con chung***: Chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L có 02 người con chung là cháu Quàng Văn Q, sinh ngày 03/7/1997, cháu Quàng Thị N, sinh ngày 09/8/2005.

Hiện nay các cháu Quàng Văn Q và cháu Quàng Thị N đã đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình riêng, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lù Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

** Tài sản chung; Về tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về*: Chị Lù Thị H và anh Quàng Văn L không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

** Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Lù Thị H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lù Thị H.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng , người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lù Thị H: Chị Lù Thị H được ly hôn anh Quàng Văn L.

2. Về con chung: Cháu Quàng Văn Q, sinh ngày 03/7/1997, cháu Quàng Thị N, sinh ngày 09/8/2005. Hiện nay cháu Quàng Văn Q và cháu Quàng Thị N đã đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình riêng, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lù Thị H.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Lù Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/04/2025), anh Quàng Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Ẳng Cang, h.Mường Ảng
- Các Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và LIHP cho đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân